

Bản án số: 195/2023/DS-ST

Ngày: 12/9/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Thị Lý

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 103/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2023/QĐXXST-DS ngày 18/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2023/QĐHPT-DS ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1957. Địa chỉ: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1959. Địa chỉ: đường C, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/04/2023, bản tự khai đề ngày 12/05/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn Đỗ Thị H trình bày:**

Thông qua mối quan hệ quen biết, vào ngày 04/3/2018 bà Huỳnh Thị B viết giấy mượn tiền bà Đỗ Thị H số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Ngày 22/11/2008 bà B mượn bà H thêm số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Tiền lãi trả hàng ngày, mỗi ngày 30.000 đồng. Thời gian đầu bà B trả lãi được 15 đến 20 ngày trong tháng, một số tháng bà B chỉ trả được 5 đến 7 ngày lãi. Trong 2 năm dịch covid mà B chỉ trả lãi được vài ngày, đến tháng 01/2023 thì bà B không trả lãi nữa. Bà H nhiều lần yêu cầu bà B hoàn trả tiền gốc, không yêu cầu tiền lãi nhưng bà B vẫn không trả nợ. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B phải trả cho bà H số tiền gốc đã mượn là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn Huỳnh Thị B:** mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đến nơi cư trú của bà B, thuộc tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng nhưng bà B vẫn không có mặt. Quá trình giải quyết vụ án bà B không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Đỗ Thị H khởi kiện bị đơn là bà Huỳnh Thị B để yêu cầu bà B trả số tiền mượn còn nợ theo giấy mượn tiền ghi ngày 04/3/2008 và ngày 22/11/2008. Tuy nhiên, mối quan hệ vay mượn và trả lãi giữa bà B với bà H kéo dài cho đến tháng 01/2023 thì bà B không trả lãi nữa nên bà H mới đòi nợ, yêu cầu bà B trả số tiền gốc vay còn nợ. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu giải quyết về tranh chấp hợp đồng dân sự được tính từ tháng 01/2023 theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Bộ luật dân sự. Đây là quan hệ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại điều 116, Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ theo quy định.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Huỳnh Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vay mượn là 50.000.000 đồng:

Ngày 03/4/2008 và ngày 22/11/2008 bà Huỳnh Thị B có viết giấy mượn tiền của bà Đỗ Thị H, với số tiền mượn 2 lần là 50.000.000 đồng, mục đích để buôn bán làm ăn, lãi trả hàng ngày. Quá trình vay mượn, bà H khai rằng bà B có trả tiền lãi hàng ngày, thời gian đầu mỗi tháng trả được 15 đến 20 ngày, một số tháng bà B chỉ trả được 5 đến 7 ngày lãi. Trong 2 năm dịch covid mà B chỉ trả lãi được vài ngày, đến tháng 01/2023 thì bà B không trả lãi nữa. Bà H đã đến nhà yêu cầu bà B hoàn trả

tiền gốc, không yêu cầu trả tiền lãi nhưng bà B vẫn không trả nợ cho bà H. Hội đồng xét xử thấy rằng, giấy mượn tiền ghi ngày 03/4/2008 và giấy mượn tiền ngày 22/11/2008 thể hiện bà Huỳnh Thị B có viết và ký giấy mượn tiền bà H 50.000.000 đồng. Do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng nhau nên bà H đã cho bà B vay mượn tiền nhằm kiếm lãi mỗi tháng. Quá trình vay mượn bà B có trả lãi hằng ngày cho bà H mặc dù không thu đủ số tiền lãi mỗi ngày nhưng bà H vẫn để cho bà B vay mượn vốn làm ăn và không đòi nợ. Đến tháng 01/2023 bà H nhiều lần yêu cầu bà B trả tiền gốc thì bà B không trả và trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Huỳnh Thị B phải trả nợ cho bà H số tiền gốc 50.000.000 đồng một lần và không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Với chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là giấy mượn tiền mà bà Huỳnh Thị B đã viết và ký tên thể hiện bà B đã nhận đủ số tiền mượn của bà H là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo đến bị đơn các văn bản tố tụng thể hiện việc bà H khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng nhưng bà B không có trình bày, không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Điều đó thể hiện bà B từ bỏ quyền trình bày ý kiến và không có ý kiến phản bác nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền vay mượn đối với khoản tiền gốc còn nợ 50.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 50.000.000 đồng nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $50.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H đối với bà Huỳnh Thị B về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc bà Huỳnh Thị B phải thanh toán cho bà Đỗ Thị H một lần số tiền **50.000.000 đồng** (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đỗ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà Huỳnh Thị B phải thanh toán, nếu bà Huỳnh Thị B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị B phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 12/9/2023.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA